

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 308/2021/DS-PT
Ngày: 21/12/2021.
V/v tranh chấp: “Hợp đồng
vay tài sản và đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Việt Trung.

Bà Lê Thị Hồng Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Hậu Mộng Thúy, Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông Võ Trung Hiếu,
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 248/2021/TLPT-DS ngày 25/10/2021 về việc tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 51/2021/DSST, ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 293/2021/QĐ-PT ngày 04/11/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1964;
Địa chỉ: Ấp M, xã N, thành phố P, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị T:

Đoàn Văn T, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố M, phường N, thành phố P, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp M, xã N, thành phố P, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị Kim Y:

Trần Đình P, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Phường N, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Mai T, sinh năm 1993; (vắng mặt)

Địa chỉ: Phường N, thành phố P, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên hệ: Phường N, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Tấn N, sinh năm 1996;
Địa chỉ: Ấp M, xã N, thành phố P, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Nguyễn Tấn N:

Nguyễn Hồng Tố N, sinh năm 1988; (có mặt)
Địa chỉ: Phường N, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Văn H, sinh năm 1964; (có mặt).
Địa chỉ: ấp M, xã N, thành phố P, tỉnh Tiền Giang.
Tạm trú: Ấp M, xã N, thành phố P, tỉnh Tiền Giang.

4. Người làm chứng:

Tô Quốc D, sinh năm 1998; (vắng mặt)
Địa chỉ: Phường N, thành phố P, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1958; (có mặt).
Địa chỉ: ấp M, xã N, thành phố P, tỉnh Tiền Giang.

Hồ Thị C, sinh năm 1954; (có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: ấp M, xã N, thành phố P, tỉnh Tiền Giang.

*. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Nguyễn Thị T; Bị đơn Nguyễn Thị Kim Y;
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tấn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim Y có vay của bà số tiền 90.000.000 đồng để mua hụi của em bà Y, nhưng bà không biết em của bà Y là ai. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 18/9/2018 âm lịch, vay số tiền 55.600.000 đồng, đưa tiền tại nhà của bà Y, không có người chứng kiến.

Lần 2: Tháng 11/2018 âm lịch, vay thêm số tiền 34.300.000 đồng, đưa tiền tại nhà bà T có người chứng kiến là bà Nguyễn Thị Kim T.

Tổng cộng là 89.900.000 đồng, nhưng bà Y tự làm tròn thành 90.000.000 đồng và cả hai lần đưa tiền đều không làm biên nhận do là chị em hàng xóm nên tin tưởng lẫn nhau. Thời hạn vay tiền là 04 tháng, từ tháng 9/2018 âm lịch đến tháng 01/2019 âm lịch; lãi suất thỏa thuận là 1.000.000 đồng/tháng. Khi trả lãi được 04 tháng là 4.000.000 đồng thì bà Y không trả tiền vốn và lãi cho bà.

Do bà nhiều lần đòi tiền nên bà Y trả được mỗi tháng 2.000.000 đồng x 5 tháng (từ tháng 9/2019 âm lịch đến tháng 01/2020 âm lịch) = 10.000.000 đồng. Số tiền này bà Y kêu ông Nguyễn Văn H (tên thường gọi là M) trả tiền cho bà.

Các ngày gồm: ngày 22/02/2020, ngày 12/3/2020, ngày 28/4/2020, bà làm đơn gửi Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ Chánh yêu cầu giải quyết. Tại các phiên hòa giải, bà Y thừa nhận nợ số tiền trên và ông Nguyễn Tấn N – con bà

Y hứa trả thay bà Y số tiền 40.000.000 đồng (có viết giấy xác nhận nợ ngày 15/01/2020). Sau khi viết giấy nhận nợ thì ông N trả được số tiền 5.000.000 đồng.

Như vậy, trừ số tiền 10.000.000 đồng mà bà Y trả và số tiền 5.000.000 đồng ông N trả thay thì bà Y còn nợ bà số tiền 75.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà Y và ông N liên đới trả số tiền vốn 75.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,68%/tháng tính từ tháng 11/2018 đến tháng 6/2020 là 19 tháng x 1,68%/tháng = 23.940.000 đồng.

Đối với yêu cầu độc lập của ông N là yêu cầu hủy giấy xác nhận ngày 15/01/2020 và trả lại số tiền 5.000.000 đồng cho ông N thì bà không đồng ý.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Y đại diện theo ủy quyền là anh Trần Đình P trình bày:

Bà Y không có nhận số tiền lần 01 là 55.600.000 đồng và lần 02 là 34.300.000 đồng của bà T. Bà Y và ông H không có quan hệ nợ nần gì nên không có việc bà Y yêu cầu ông H đưa tiền cho bà T, nếu ông H cho rằng bà Y có yêu cầu ông H đưa 10.000.000 đồng thì ông H cung cấp chứng cứ chứng minh. Bà Y không có nhận tiền của bà T nên không có nghĩa vụ trả nợ cho bà T. Ông có nghe bà T kể bà T có chơi hụi của vợ chồng ông Q, bà H nhưng ông không biết rõ họ tên của bà H. Ông yêu cầu đưa ông Q, bà H và ông Tô Quốc D tham gia tố tụng trong vụ án. Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Tấn N có yêu cầu độc lập trình bày: Anh là con của bà Y. Nội dung khởi kiện của bà T không đúng bản chất sự thật của vụ án. Cụ thể được thể hiện trong biên bản hòa giải ngày 03/8/2020 tại phần trình bày của người làm chứng, bà Nguyễn Thị Kim T như sau: Bà T có tham gia chơi hụi do vợ chồng ông Q và vợ bà H. Do ông Q là em ruột bà Y nên bà T có đưa tổng số tiền 90.000.000 đồng để bà Y cho ông Q tham gia chơi hụi. Sau đó, vợ chồng ông Q, bà H không liên lạc được nên bà T tranh chấp với bà Y. Bà T thường xuyên đến nhà chửi bới, cử nhiều người đe dọa, gây áp lực buộc bà Y phải trả số tiền nêu trên. Như vậy, bản chất số tiền bà T khởi kiện không phải là tiền bà Y vay mượn.

Tại thời điểm đó, anh không biết rõ số tiền 90.000.000 đồng bà T đưa cho bà Y dùng vào mục đích gì nhưng vì không muốn bà Y chịu áp lực nên anh mới ký giấy xác nhận ngày 15/01/2020 để đứng ra trả tiền thay bà Y. Thực hiện đúng cam kết, anh đã trả cho bà T số tiền 5.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh tìm hiểu thông tin thì biết số tiền 90.000.000 đồng là tiền bà T chơi hụi, không phải tiền bà Y vay nên bà T không có cơ sở buộc bà Y trả tiền và việc ký giấy xác nhận cũng không có cơ sở.

Ngoài ra, căn cứ nội dung giấy xác nhận thể hiện “*tôi có vay của cô Nguyễn Thị T 40.000.000 VNĐ*” và đơn khởi kiện ngày 28/6/2020 của bà T ghi “*Nguyễn Tấn N con bà Y cũng hứa trả thay cho bà Y số tiền 40.000.000*

đồng”, như vậy về mặt nội dung giấy xác nhận không ghi đúng sự thỏa thuận của các bên nên không đủ cơ sở để xem xét. Nay anh yêu cầu hủy giấy xác nhận ngày 15/01/2020 giữa anh và bà T; Buộc bà T trả lại số tiền 5.000.000 đồng; Trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Nguyễn Văn H trình bày: Năm 2019, ông có tham gia hội 2.000.000 đồng/tháng/phần do bà Y làm chủ hội. Hàng tháng, ông thường đóng hội chết cho bà Y nên có biết việc mượn tiền giữa bà T và bà Y. Do đó, bà Y kêu ông hàng tháng thay vì đóng hội chết cho bà Y thì hàng tháng đưa 2.000.000 đồng cho bà T. Ông đã đưa cho bà T 05 lần là 10.000.000 đồng.

Người làm chứng: Hồ Thị C trình bày: Bà là hội viên Chi hội phụ nữ ấp M, xã N. Bà không có chứng kiến bà T đưa tiền cho bà Y. Khi sinh hoạt Chi hội thì có nghe bà Y, bà T thỏa thuận việc trả số tiền 90.000.000 đồng. Bà và bà Nguyễn Thị Kim T có động viên bà Y trả nợ, lúc đầu bà T yêu cầu trả mỗi tháng 30.000.000 đồng nhưng bà Y nói không có tiền để trả, lần thứ hai bà T yêu cầu trả mỗi tháng 10.000.000 đồng và bà Y chỉ đồng ý trả mỗi tháng 2.000.000 đồng. Bà cam đoan lời trình bày là đúng sự thật. Bà C xin vắng mặt trong quá trình hòa giải, xét xử vụ án vì đang phải điều trị bệnh.

Nguyễn Thị Kim T trình bày: Bà có cùng ý kiến với Bà C.

Anh Tô Quốc D đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng yêu cầu cung cấp ý kiến nhưng ông không có ý kiến phản hồi gì.

Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2021/DS-ST ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim Y và anh Nguyễn Tấn N phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng), cụ thể bà Y có nghĩa vụ trả số tiền 40.000.000 đồng, anh N có nghĩa vụ trả số tiền 35.000.000 đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim Y và anh Nguyễn Tấn N trả số tiền lãi 37.800.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Tấn N về việc yêu cầu hủy giấy xác nhận ngày 15/01/2020 và yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả lại số tiền 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu 1.890.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà T đã nộp 2.473.500 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001654 ngày 29/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho nên được hoàn lại 583.500 đồng.

Bà Y phải chịu 2.000.000 đồng.

Anh N phải chịu 1.950.000 đồng. Anh N đã nộp 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001921 ngày 25/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho nên còn phải nộp tiếp 1.350.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 17/5/2021, bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu: Buộc bị đơn trả vốn gốc 75.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 16.243.500 đồng, tổng cộng 91.243.500 đồng, trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 13/5/2021, bà Nguyễn Thị Kim Y có đơn kháng cáo yêu cầu: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 13/5/2021, anh Nguyễn Tấn N có đơn kháng cáo yêu cầu: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị T, đại diện ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị Kim Y, đại diện ủy quyền của Nguyễn Tấn N thống nhất bà Nguyễn Thị Kim Y trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 75.000.000 đồng;

Đại diện ủy quyền của anh Nguyễn Tấn N rút yêu cầu về việc bà Nguyễn Thị T trả lại anh N số tiền 5.000.000 đồng;

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị T, đại diện ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị Kim Y, đại diện ủy quyền của Nguyễn Tấn N thống nhất hủy giấy xác nhận của anh N ngày 15/01/2020;

Đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim Y phải trả số tiền lãi chậm trả 16.243.500 đồng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị T và bị đơn Nguyễn Thị Kim Y; Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tấn N; Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự; Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của anh N; Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp; Thời hạn kháng cáo; Sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản*” được quy định tại Điều 463 và Điều 166 Bộ luật Dân Sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Kim Yến, anh Nguyễn Tấn N và biên lai nộp tạm ứng án phí phúc thẩm của bà T, bà Y, anh N thì kháng cáo trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Mai T theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự nhưng Mai T vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 294, 296 Bộ luật Tố tụng Dân Sự xét xử vắng mặt Mai T.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị T yêu cầu buộc bị đơn Nguyễn Thị Kim Y trả số tiền lãi chậm trả 16.243.500 đồng và yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Kim yến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tấn N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị T, đại diện ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị Kim Y, đại diện ủy quyền của Nguyễn Tấn N thống nhất đề bà Nguyễn Thị Kim Y trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 75.000.000 đồng và thống nhất hủy giấy xác nhận của anh N ngày 15/01/2020; Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự thỏa thuận của các đương sự không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận sự thỏa thuận này;

Đại diện ủy quyền của anh Nguyễn Tấn N rút lại một phần yêu cầu độc lập về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả cho anh N số tiền 5.000.000 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy đại diện ủy quyền của anh N rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện và được đại diện ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đồng ý nên cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà T về việc yêu cầu bà Y phải trả số tiền lãi chậm trả 16.243.500 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy đại diện ủy quyền của bà T là ông T cho rằng số tiền 90.000.000 đồng là tiền vay, hai bên thỏa thuận lãi suất 1.000.000 đồng/tháng, thời hạn trả 4 tháng. Phía bị đơn không thừa nhận và ông T không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh có việc thỏa thuận tiền lãi và thời hạn trả như trên, cũng như phía nguyên đơn không xác định được thời gian bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên không có cơ sở để yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi chậm trả 16.243.500 đồng.

Vì thế, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim Y, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Tấn N, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm;

Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Áp dụng các điều 166, 463, 466, 469, 468, 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử: 1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim Y;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Tấn N.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 51/2021/DSST, ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc buộc bà Nguyễn Thị Kim Y phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng);

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc hủy giấy xác nhận ngày 15/01/2020 của anh Nguyễn Tấn N;

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Kim Y chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân Sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Tấn N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả cho anh N số tiền 5.000.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu 812.175 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà T đã nộp 2.473.500 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001654 ngày 29/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho nên được hoàn lại 1.661.325 đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim Y phải chịu 3.7500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại anh N số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà anh N đã nộp 600.000 đồng theo biên lai thu số 0001921 ngày 25/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0022019 ngày 17/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Bà Nguyễn Thị Kim Y, Nguyễn Tấn N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên hoàn lại cho bà Y, anh N số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà Y, anh N mỗi người đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0022012 và 0022013, ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố Mỹ Tho;
- THADS thành phố Mỹ Tho;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trương Vĩnh Hữu